PHÁT TRIỂN TÍN DỤNG XANH CỦA TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ HÀM Ý ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PGS.TS. Hà Văn Hội* - TS. Bùi Hồng Cường*

Trong thời gian vừa qua, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu đáng kể trong việc phát triển tín dụng xanh, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các chính sách như Hướng dẫn về Xây dựng Hệ thống Tài chính Xanh năm 2016 đã tạo nền tảng cho việc huy động vốn đầu tư vào các dự án thân thiện với môi trường. Bài nghiên cứu này phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tín dụng xanh của Trung Quốc, từ đó, rút ra một số hàm ý đối với Việt Nam trong việc hoàn thiện khung pháp lý về tín dụng xanh, khuyến khích các ngân hàng tham gia tích cực vào việc cấp tín dụng cho các dự án bền vững, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xanh và bền vững tại Việt Nam.

• Từ khóa: *: tín dụng xanh, phát triển, ngân hàng thương mại,Trung Quốc, Việt Nam.*

Over the recent period, China has achieved significant progress in the development of green credit, playing a crucial role in promoting sustainable economic growth and reducing environmental pollution. Policies such as the Guiding Opinions on Building a Green Financial System in 2016 have laid the groundwork for mobilizing investment capital into environmentally friendly projects. This research analyzes and evaluates the current status of green credit development in China, thereby drawing several implications for Vietnam in improving its legal framework for green credit and encouraging banks to actively participate in providing credit for sustainable projects, contributing to the promotion of a green and sustainable economic development in Vietnam.

• Key words: *green credit, development, China, Vietnam.*

Ngày nhận bài: 25/7/2025
Ngày gửi phản biện: 05/10/2025
Ngày duyệt đăng: 18/12/2025
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i303.23

Mở đầu

Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và là một trong những quốc gia phát thải khí nhà kính hàng đầu, đã đạt những bước tiến quan trọng trong tín dụng xanh nhằm thúc đẩy nền kinh tế bền vững. Kinh nghiệm của Trung Quốc mang lại bài học quý giá cho Việt Nam - quốc gia đang phát triển nhanh và đối mặt thách thức môi trường ngày càng lớn. Nghiên cứu và áp dụng sáng tạo những kinh nghiệm này sẽ giúp Việt Nam xây dựng hệ thống tín dụng xanh hiệu quả, đồng thời đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu.

1. Thực trạng tín dụng xanh tại Trung Quốc

Tín dụng xanh trở thành trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững, với dư nợ tăng từ 8,2 nghìn tỷ NDT năm 2018 lên 22,3 nghìn tỷ NDT năm 2022, và ước đạt 26 nghìn tỷ NDT năm 2024.

Giai đoạn khởi động (2018-2020): Dư nợ tăng từ 8,2 lên 11,3 nghìn tỷ NDT, tốc độ 18,95%, nhờ thí điểm trái phiếu xanh và tiêu chuẩn phân loại dự án. Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 ưu tiên năng lượng sạch và giảm ô nhiễm, buộc các ngân hàng lớn dành tối thiểu 10% dư nợ cho dự án xanh.

Giai đoạn bùng nổ (2021-2022): Năm 2021, tín dụng xanh tăng 32,74%, đạt 15 nghìn tỷ NDT, nhờ siết chặt tiêu chuẩn môi trường và lãi suất ưu đãi từ PBOC. Trái phiếu xanh phát triển mạnh, Trung Quốc trở thành thị trường lớn thứ hai toàn cầu với hơn 600 tỷ NDT huy động. Năm 2022, tăng trưởng 27,33%, dư nợ đạt 19,1 nghìn tỷ NDT, năng lượng tái tạo tiếp tục dẫn đầu.

Giai đoạn ổn định (2023-2024): Tốc độ tăng trưởng giảm dưới 20%, nhưng quy mô tuyệt đối vẫn mở rộng. Các dự án xanh tập trung vào CCUS và năng lượng hydrogen, đồng thời kiểm soát nợ xấu (2,1% năm 2023).

2. Bài học cho Việt Nam

Kinh nghiệm Trung Quốc nhấn mạnh:

- Chính sách và tiêu chuẩn minh bạch tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

- Cơ chế tài chính ưu đãi như lãi suất thấp và trái phiếu xanh thúc đẩy doanh nghiệp tham gia.

- Tăng trưởng chất lượng thay vì số lượng, ưu tiên hiệu quả dự án và công nghệ bền vững.

Việt Nam có thể học hỏi để xây dựng hệ thống tín dụng xanh linh hoạt, phù hợp bối cảnh trong nước, đồng thời thúc đẩy phát triển bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu hiệu quả.

** Trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN*

Biểu đồ 1. Tăng trưởng tín dụng xanh Trung Quốc (2018-2024) (Nghìn tỷ NDT)

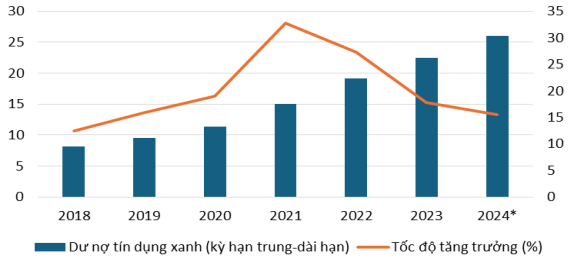

*Nguồn: PBoC, Green Finance Committee, IMF, * năm 2024 ước tính*

3. Tín dụng cho các dự án xanh tại Trung Quốc

3.1. Tín dụng cho các dự án năng lượng tái tạo

Các ngân hàng Trung Quốc ưu tiên cấp vốn cho các dự án năng lượng tái tạo như mặt trời, gió và thủy điện, nhằm thúc đẩy phát triển bền vững và giảm phát thải khí nhà kính.

Năng lượng mặt trời: CDB và CHEXIM tài trợ mạnh mẽ cho các trang trại điện mặt trời trong và ngoài nước. Ví dụ, CDB đầu tư 1,4 tỷ USD cho Tengger Desert Solar Park (Ninh Hạ) với công suất hơn 1.500 MW (Chen & Wang, 2024). Các khoản vay cũng hỗ trợ tập đoàn LONGi Green Energy phát triển tấm pin hiệu suất cao và hệ thống lưu trữ năng lượng, giảm chi phí và nâng khả năng cạnh tranh quốc tế.

Năng lượng gió: Trung Quốc dẫn đầu thế giới về năng lượng gió nhờ tài trợ ngân hàng lớn. CDB cung cấp 15 tỷ USD cho các dự án gió ngoài khơi tại Giang Tô. Các doanh nghiệp như Goldwind và Mingyang Smart Energy được hỗ trợ phát triển tuabin công suất lớn và hiệu suất cao (Li & Zhang, 2023).

Năng lượng thủy điện: Thủy điện là trụ cột chiến lược. CDB đầu tư hơn 10 tỷ USD cho Đập Tam Hiệp (22.500 MW), đáp ứng 2% nhu cầu điện quốc gia. Các cơ sở cũ được nâng cấp ở tỉnh Tứ Xuyên. Quốc tế, CHEXIM tài trợ 1,7 tỷ USD cho Dự án Cách Linh (Lào) và 2,2 tỷ USD cho Coca Codo Sinclair (Ecuador), giảm phụ thuộc dầu mỏ.

Sản xuất pin và hệ thống lưu trữ: Ngân hàng ưu tiên vốn cho phát triển công nghệ, mở rộng sản xuất và nâng hiệu suất lưu trữ. CATL nhận hỗ trợ từ CDB và CHEXIM để mở rộng nhà máy trong nước và quốc tế, bao gồm Đức và Indonesia.

3.2. Tín dụng cho năng lượng sinh khối và nhiên liệu sinh học

Ngân hàng Trung Quốc cung cấp vốn cho các dự án sinh khối và nhiên liệu sinh học nhằm giảm phụ thuộc nhiên liệu hóa thạch và thúc đẩy phát triển bền vững.

Năng lượng sinh khối trong nước: CDB tài trợ nhà máy xử lý rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp tại Giang Tô và An Huy. Ví dụ, dự án Hoài An nhận 100 triệu NDT, xử lý 150.000 tấn chất thải mỗi năm, sản xuất 30 triệu kWh điện.

Nhiên liệu sinh học từ phụ phẩm công nghiệp: CHEXIM hỗ trợ Shandong Bioenergy sản xuất ethanol từ chất thải ngũ cốc với khoản vay 200 triệu NDT, mở rộng sản xuất và nghiên cứu cải thiện hiệu suất.

Hỗ trợ R&D: CDB tài trợ COFCO triển khai công nghệ sản xuất ethanol từ ngô và rơm rạ, giảm chi phí và nâng hiệu quả năng lượng.

3.3. Tín dụng cho các ngành công nghiệp giảm phát thải carbon

Ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp và dự án nhằm cải thiện hiệu quả năng lượng và giảm phát thải:

Hiệu quả năng lượng trong sản xuất: Các lĩnh vực ưu tiên là thép, xi măng và hóa chất. Ví dụ, Gang thép Baowu nhận vay ưu đãi từ CDB để giảm 30% CO_2/tấn thép; nhà máy hóa chất Sơn Đông tái sử dụng nhiệt thải, tiết kiệm 20% năng lượng hàng năm. Các dự án khác như Nhà máy xi măng Conch (500 triệu NDT) hay Chalco (1 tỷ NDT) được hỗ trợ tài chính xanh.

Công nghệ giảm phát thải: CDB, CHEXIM và ICBC đầu tư vào CCUS, lò luyện thép bằng hydro, tuabin gió công suất lớn, tấm pin mặt trời và hệ thống lưu trữ năng lượng. Ví dụ, Shengli Power (Sơn Đông) nhận 200 triệu NDT cho CCUS thu 1 triệu tấn CO_2/năm; Gang thép Baowu nhận 500 triệu NDT đầu tư lò luyện hydro, giảm 50% CO_2; Goldwind nhận 1 tỷ NDT phát triển tuabin 10 MW, giảm chi phí năng lượng gió.

3.4. Tín dụng cho nông nghiệp bền vững

Ngân hàng Trung Quốc hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn và giảm hóa chất nhằm bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế nông thôn:

Nông nghiệp hữu cơ: CDB cấp 1,2 tỷ NDT cho trang trại hữu cơ trồng lúa tại Hắc Long Giang. Nông nghiệp tuần hoàn: Dự án tại Nội Mông và Vân Nam tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp tạo chu trình sản xuất khép kín. Giảm hóa chất: CDB tài trợ 800 triệu NDT tại Sơn Đông để sử dụng phân bón hữu cơ và vi sinh; Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc hỗ trợ 1 tỷ NDT cho Sinochem phát triển phân bón hữu cơ và thuốc trừ sâu sinh học.

3.5. Tín dụng cho công trình xây dựng xanh

Các ngân hàng tài trợ dự án nhà ở, khu đô thị và tòa nhà công cộng đạt tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng và vật liệu bền vững:

Khu đô thị xanh: Ngân hàng Nông nghiệp Trung Quốc tài trợ 3 tỷ NDT cho Thành phố Xanh Hàng Châu, áp dụng năng lượng mặt trời, gió và hệ thống quản lý năng lượng thông minh, giảm 30% điện năng tiêu thụ.

Tòa nhà công cộng: CDB tài trợ 500 triệu USD xây Trung tâm Hội nghị Quốc tế Bắc Kinh với điều hòa

tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng LED và tấm pin mặt trời, giảm 40% phát thải CO_2 so với công trình thông thường.

4. Một số hàm ý đối với Việt Nam

Từ kết quả phân tích, đánh giá thực trạng phát triển tín dụng xanh của Trung Quốc, có thể đưa ra một số hàm ý đối với Việt Nam như sau:

Thứ nhất, một trong những nguyên nhân làm cho tín dụng xanh của Trung Quốc tăng trưởng mạnh và bền vững là vai trò chủ đạo và sự cam kết mạnh mẽ của chính phủ. Chính phủ Trung Quốc đã xác định phát triển kinh tế xanh là một ưu tiên quốc gia và ban hành nhiều chính sách, quy định để thúc đẩy tín dụng xanh. PBOC đã đóng vai trò trung tâm trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý, hướng dẫn và khuyến khích các tổ chức tài chính tham gia vào tín dụng xanh. Việt Nam có thể học hỏi điều này bằng cách nâng cao vai trò chỉ đạo của Nhà nước, xây dựng một chiến lược quốc gia toàn diện về tín dụng xanh với các mục tiêu, lộ trình và trách nhiệm rõ ràng cho các bên liên quan. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) cần đóng vai trò tích cực hơn trong việc xây dựng khuôn khổ pháp lý, ban hành các hướng dẫn cụ thể và tạo ra các cơ chế khuyến khích tài chính xanh.

Thứ hai, việc xây dựng một hệ thống phân loại xanh rõ ràng và thống nhất cũng cho thấy tầm quan trọng của vấn đề này. Trung Quốc đã ban hành "Danh mục các ngành xanh" (Green Industry Catalogue) và các tiêu chuẩn xanh khác nhau để xác định các hoạt động kinh tế được coi là xanh và đủ điều kiện để nhận tín dụng xanh. Việt Nam hiện đang trong quá trình xây dựng hệ thống phân loại xanh của riêng mình. Việc học hỏi kinh nghiệm từ Trung Quốc, đặc biệt là trong việc đảm bảo tính khoa học, minh bạch và phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam, là rất quan trọng. Một hệ thống phân loại xanh rõ ràng sẽ giúp các tổ chức tài chính dễ dàng xác định và đánh giá các dự án xanh, từ đó tăng cường dòng vốn tín dụng xanh.

Thứ ba, Trung Quốc đã triển khai nhiều công cụ và chính sách khuyến khích tài chính xanh hiệu quả. PBOC đã sử dụng các công cụ như tái cấp vốn xanh (green refinancing) và giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho các ngân hàng tích cực tham gia vào tín dụng xanh. Chính phủ cũng cung cấp các khoản trợ cấp lãi suất, bảo lãnh tín dụng và các ưu đãi thuế cho các dự án xanh và các tổ chức tài chính xanh. Việt Nam có thể xem xét áp dụng các công cụ tương tự, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh tế và hệ thống tài chính của mình. SBV có thể nghiên cứu các cơ chế tái cấp vốn ưu đãi cho các khoản vay xanh, đồng thời phối hợp với Bộ Tài chính để xây dựng các chính sách ưu đãi về thuế và phí cho các hoạt động xanh.

Thứ tư, một bài học quan trọng khác từ Trung Quốc là sự phát triển đa dạng của các sản phẩm và dịch vụ tài chính xanh. Bên cạnh các khoản vay xanh truyền thống, Trung Quốc đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ của trái phiếu xanh, quỹ đầu tư xanh, bảo hiểm xanh và các công cụ tài chính phái sinh xanh khác. Việt Nam cần khuyến khích sự phát triển của các sản phẩm tài chính xanh đa dạng này để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường và thu hút các nhà đầu tư xanh trong và ngoài nước. Việc xây dựng một thị trường trái phiếu xanh sôi động và minh bạch là đặc biệt quan trọng.

Thứ năm, kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy tầm quan trọng của việc tăng cường minh bạch và công khai thông tin về tín dụng xanh. PBOC đã yêu cầu các ngân hàng báo cáo về danh mục tín dụng xanh của họ và công khai thông tin về tác động môi trường của các dự án được tài trợ. Việt Nam cần xây dựng các quy định về báo cáo và công khai thông tin liên quan đến tín dụng xanh, khuyến khích các tổ chức tài chính và doanh nghiệp thực hiện báo cáo phát triển bền vững và công bố thông tin về các hoạt động xanh một cách minh bạch. Điều này sẽ giúp tăng cường niềm tin của nhà đầu tư và công chúng vào tín dụng xanh.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng cần nhận thức rõ những khác biệt giữa hai quốc gia và điều chỉnh các bài học từ Trung Quốc cho phù hợp với bối cảnh cụ thể của mình. Hệ thống tài chính của Việt Nam có quy mô nhỏ hơn và mức độ phát triển khác biệt so với Trung Quốc. Các ưu tiên phát triển kinh tế và các thách thức môi trường cũng có những đặc thù riêng. Do đó, việc áp dụng kinh nghiệm của Trung Quốc cần có sự chọn lọc và sáng tạo, đảm bảo phù hợp với điều kiện và mục tiêu phát triển của Việt Nam.

Kết luận: Kinh nghiệm phát triển tín dụng xanh của Trung Quốc mang lại nhiều ý nghĩa đối với Việt Nam. Bằng cách học hỏi về vai trò của chính phủ, xây dựng hệ thống phân loại xanh, triển khai các công cụ khuyến khích tài chính, phát triển đa dạng sản phẩm, nâng cao năng lực và tăng cường minh bạch, Việt Nam có thể đẩy nhanh quá trình xây dựng một hệ thống tín dụng xanh hiệu quả, góp phần quan trọng vào quá trình chuyển đổi sang một nền kinh tế xanh và bền vững, đồng thời thực hiện các cam kết quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tài liệu tham khảo:

Trần Thị Vân Anh (2020), Kinh nghiệm xây dựng hệ thống tài chính xanh tại Trung Quốc, Tạp chí Ngân hàng số 6/2020.

Lê Duy (2023), Kinh nghiệm phát triển bền vững thị trường trái phiếu xanh ở một số quốc gia và đề xuất cho Việt Nam, Tạp chí Công Thương online, các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, số 26 tháng 12 năm 2023.

Đinh Thị Thu Hương (2024), Kinh nghiệm phát triển trái phiếu xanh ở Trung Quốc, Tạp chí tài chính online, 12.4.2024.

Hà Thị Hải Ly (2023), Phát triển tín dụng xanh: Kinh nghiệm của Trung Quốc và một số kiến nghị cho các ngân hàng thương mại tại Việt Nam, Tạp chí Kinh tế và Dự báo năm 2023, số 13 trang 70 - 72

Chen, L., & Wang, S. (2024), Green bond issuance and market dynamics in China: An analysis of 2023-2024 trends, China Economic Review

Li, W., & Zhang, H. (2023), The impact of the PBOC's carbon emission reduction facility on green loan growth in China, Journal of Financial Regulation and Compliance,

Luo, Fulong (2024), The Impact of RCEP on the Restructuring of Supply Chains in the Electronic Machinery and Equipment Industry: A Comparative Analysis of China and Vietnam, Frontiers in Business, Economics and Management, 17(3).